



**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC HẢI QUAN**

Số: **22531** /CHQ-TVQT

V/v công khai thuyết minh
tình hình và số liệu thực hiện dự
toán ngân sách nhà nước 9 tháng
năm 2026 của Cục Hải quan

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **05** tháng 10 năm 2026

Kính gửi: Văn phòng Cục Hải quan (Công thông tin điện tử).

Thực hiện chế độ công khai tình hình và số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; khoản 2 Điều 27 Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Cục Hải quan yêu cầu Văn phòng Cục Hải quan đăng tải công khai thuyết minh tình hình và số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 9 tháng đầu năm 2026 của Cục Hải quan trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan theo phụ lục đính kèm.

Đề nghị Văn phòng Cục Hải quan triển khai thực hiện././ *mm*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính (Cục KHTC để b/c);
- Đ/c Cục trưởng (để b/c);
- Đ/c Lưu Mạnh Tường - PCT (để b/c);
- Lưu: VT, TVQT. *he*

**TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN TÀI VỤ - QUẢN TRỊ**



Trịnh Văn Nhuận

Phụ lục I

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN
9 THÁNG NĂM 2026**

(Kèm theo Công văn số **22531**/CHQ-TVQT ngày **05** tháng 10 năm 2026 của Cục Hải quan)

I. Nguồn Ngân sách nhà nước

- Dự toán được Bộ Tài chính giao mới năm 2026 là: 4.041.188.265 nghìn đồng (không bao gồm kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên đã báo cáo Bộ Tài chính tại Công văn số 20398/CHQ-TVQT ngày 14/8/2026 là 137.973.150 nghìn đồng). Kinh phí thực sử dụng là 3.954.229.265 nghìn đồng (do đã báo cáo Bộ Tài chính điều chỉnh giảm dự toán nội dung chuyển đổi số đã hết nhiệm vụ, số tiền: 86.959.000 nghìn đồng tại Công văn số 20980/CHQ-CNTT ngày 26/8/2026).

- Lũy kế đến ngày 30/9/2026, Cục Hải quan đã giải ngân 2.473.324.155 nghìn đồng, đạt 61,2% dự toán được sử dụng; đạt 62,5% trên dự toán được sử dụng sau khi được Bộ Tài chính phê duyệt điều chỉnh giảm dự toán nội dung chuyển đổi số.

Chi tiết giải ngân như sau:

1. Quản lý Hành chính (Khoản 341): dự toán NSNN được sử dụng 3.584.889.757 nghìn đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2026 giải ngân được 2.223.975.428 nghìn đồng, đạt 62% dự toán được sử dụng, trong đó:

1.1. Kinh phí thực hiện tự chủ: dự toán NSNN được sử dụng 2.896.865.404 nghìn đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2026 giải ngân được 1.928.108.193 nghìn đồng, đạt 66,6% dự toán được sử dụng, bao gồm:

- Chi quỹ lương: đạt 66,7%;
- Chi quản lý hành chính theo định mức: đạt 66%;

1.2. Kinh phí không thực hiện tự chủ: dự toán NSNN được sử dụng 688.024.353 nghìn đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2026 giải ngân được 295.867.235 nghìn đồng, đạt 43%.

2. Sự nghiệp Khoa học, Công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Khoản 121): dự toán NSNN được sử dụng 432.637.000 nghìn đồng, lũy kế đến

2hm

ngày 30/9/2026 giải ngân 241.537.483 nghìn đồng, đạt 55,8% dự toán được sử dụng.

3. Sự nghiệp Giáo dục đào tạo và dạy nghề (Khoản 085): dự toán NSNN được sử dụng 17.561.508 nghìn đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2026 giải ngân được 7.526.257 nghìn đồng đạt 42,9% dự toán được sử dụng.

4. Chi bảo đảm xã hội (Khoản 398): dự toán NSNN được sử dụng 6.100.000 nghìn đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2026 giải ngân được 284.988 nghìn đồng đạt 4,7% dự toán được sử dụng.

II. Nguồn Phí Hải quan

1. Số thu phí hải quan được Bộ Tài chính giao: 345.461.000 nghìn đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2026 toàn Ngành thu được 1.211.281.065 nghìn đồng, đạt 350,6% dự toán thu được giao.

2. Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP: 48.096.680 nghìn đồng

3. Số thu phí Hải quan được để lại sử dụng: 297.364.320 nghìn đồng, trong đó số phí Hải quan có nội dung được sử dụng Bộ Tài chính giao là 61.008.014 nghìn đồng, lũy kế đến ngày 30/9/2026 giải ngân được 30.936.353 nghìn đồng đạt 50,7% kinh phí được giao. *2hm*

Phụ lục II
CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG NĂM 2026
 (Kèm theo Công văn số 22531/HQ-TVQT ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Cục Hải quan)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Cục Hải quan công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng năm 2026 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2026 (thực sử dụng)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III (9 tháng) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	345.461	1.211.281	350,6%	267%
1	Phí Hải quan	345.461	1.211.281	350,6%	267%
II	Chi từ nguồn phí được để lại	61.008	30.936	50,7%	
1	Chi quản lý hành chính	61.008	30.936	50,7%	50,7%
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	38.291	17.911	46,8%	46,8%
b	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	22.717	13.026	57,3%	57,3%
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-	34.546		
1	Phí Hải quan	-	34.546		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.041.188	2.473.324	61,2%	18,8%
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.041.188	2.473.324	61,2%	18,8%
1	Chi quản lý hành chính	3.584.890	2.223.975	62,0%	19,5%
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	2.896.865	1.928.108	66,6%	1,5%
1.2	Kinh phí giao thực hiện chế độ không tự chủ	688.024	295.867	43,0%	-26,8%
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	432.637	241.537	55,8%	29,7%
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-		
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-		
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	432.637	241.537	55,8%	29,7%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	17.562	7.526	42,9%	29,4%
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-			
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	17.562	7.526	42,9%	29,4%
4	Chi bảo đảm xã hội	6.100	285	4,7%	4,7%
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-			
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	6.100	285	4,7%	4,7%

Zm